

CTCP QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 39/2023/CBTT-LHC

V/v: CBTT Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
tại ngày 30/6/2023 đã được soát xét

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
- Trụ sở chính: Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
- Điện thoại: (8428) 73017786
- Fax: (8428) 73022268
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Thư
- Chức vụ: Chuyên viên pháp chế
- Địa chỉ: Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (8428) 73017786
- Fax: (8428) 73022268

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse công bố Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2023 đã được soát xét.

Thông tin nêu trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <https://lighthousecapital.com.vn/gioi-thieu#quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2023

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Thanh Thư



Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
đã được soát xét

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
đã được soát xét

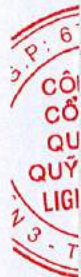
Đơn vị kiểm toán :

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38.205.944 - Fax: (028) 38.205.942
Website: www.aascs.com.vn E-mail: infor@aascs.com.vn



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 5
Báo cáo soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	6
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	7 - 17
- Thuyết minh báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	18 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023.

I. Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông. Công ty hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 131/GPĐC-UBCK ngày 31/12/2021 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 điều chỉnh lần thứ 11 ngày 12/01/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE**
Trụ sở chính : Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, p. Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng. Bằng chữ : Hai mươi lăm tỷ đồng.
Nghiệp vụ kinh doanh : - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

II. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Quyết định	Ngày bổ nhiệm
--------	-----------	------------	---------------

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

- Ông Hồ Hoàng Lâm	Chủ tịch	11/2021/NQ-HĐQT	04/06/2021
- Ông Nguyễn Công Hiệp	Thành viên	04/2021/NQ-ĐHĐCĐ	22/11/2021
- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Thành viên	01/2021/NQ-ĐHĐCĐ	29/01/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	13/2021/QĐ-HĐQT	26/05/2021
- Bà Bùi Thuý Hoà	Kế toán trưởng	03/2023/QĐ-HĐQT	16/06/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát nội bộ:

- Bà Trần Thị Thuý Chung	Trưởng ban	02/2015/QĐ-HĐQT	06/05/2015
- Bà Quách Thị Hoà	Kiểm soát tuân thủ	07/2022/QĐ-TGD	24/02/2022

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ:

- Ông Hồ Ngọc Thăng	Trưởng ban	03/2022/QĐ-HĐQT	13/01/2022
- Ông Nguyễn Duy Lương	Thành viên	04/2022/QĐ-HĐQT	13/01/2022

Người Đại diện theo pháp luật

- Ông Nguyễn Lê Đình Quang	Tổng Giám đốc	13/2021/QĐ-HĐQT	26/05/2021
----------------------------	---------------	-----------------	------------

III. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo

Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 29/06/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Lighthouse đã thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 35 tỷ đồng.

Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 30/06/2023 của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán của CTCP QLQ Đầu tư Lighthouse. Ngày 20/07/2023, UBCK Nhà nước đã có công văn số 4823/UBCK-QLQ về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu của cổ đông hiện hữu.

Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐQT ngày 21/07/2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua triển khai chi tiết phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

Nội dung	Thời gian
- Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu	: Ngày 31/07/2023
- Thông báo chào bán	: Ngày 01/08/2023
- Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền	: Từ ngày 01/08/2023 đến ngày 18/08/2023
- Thời gian thực hiện chuyển nhượng quyền mua	: Từ ngày 01/08/2023 đến ngày 16/08/2023

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

IV. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty."

V. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2023 phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

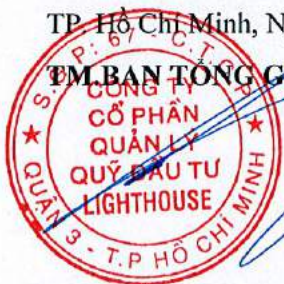
Ban Tổng giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng số liệu được thể hiện trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2023 phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty, phù hợp với các quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VI. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG
Tổng Giám đốc



Số : 6.04.../BCKT/TC/2023/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH****Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tại ngày 30/06/2023, được lập ngày 14/07/2023 từ trang 7 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse đính kèm không phù hợp với các quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và các biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 11 tháng 08 năm 2023

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



TẠ QUANG LONG

Giấy CN ĐKHN KTV số: 0649-2023-142-1
29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City

V/v Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

Kế toán trưởng

Bùi Thuý Hoà

**Trưởng Bộ phận
Kiểm soát nội bộ**

Trần Thị Thuý Chung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang

2. 6
C
C
C
O
I
C
O
C
Q
U
Y
L
I
G
H
T
.

M.S.D.N: 0309
C
D
I
C
T
A
I
C
V
A
Q
U
A
N
T

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính : VND

Stt	Các chỉ tiêu	Mục	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	II.A	8.609.239.494	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	II.B	12.091.311	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	II.C	5.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		13.621.330.805	
5.	Vốn khả dụng	I	36.597.106.417	
6.	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)		268,67%	

7 - C.
NG TY
PHÂN
ÁN LÝ
ĐẦU T
ITHOUS
P HỒ

11729-C.
NG TY
NHH
U TƯ VẤN
H KẾ TOÁN
M TOÁN
A NAM
P HỒ CHÍ MINH

Đơn vị tính : VND

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Khoản mục	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A NGUỒN VỐN				
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	25.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	133.006.116		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.984.541.846		
9	Số dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính			11.896.710.462
14	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	Tổng			39.014.258.424
B TÀI SẢN NGẮN HẠN				
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6			-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu hoạt động ủy thác			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Trả trước cho người bán			-
3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-

Stt	Khoản mục	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
6	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
IV	Hàng tồn kho			-
V	Tài sản ngắn hạn khác			-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		135.153.149	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		5.000.000	
1B	Tổng			140.153.149
C	TÀI SẢN DÀI HẠN			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu của hoạt động ủy thác			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			-
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-

H.N.H.

M.S.D.N: 03/...
DIỆU
TÀI C
VÀ
QUẢN L

Stt	Khoản mục	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II	Tài sản cố định		1.620.393.527	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con		-	
2	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6		-	
3	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài		-	
4	Đầu tư dài hạn khác		-	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Chi phí trả trước dài hạn		468.985.331	
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
3	Ký quỹ, ký cược dài hạn		187.620.000	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy		-	
1C	Tổng			2.276.998.858
VỐN KHẢ DỤNG (1A-1B-1C)				36.597.106.417



Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1)*(2)
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
8 Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
V. Cổ phiếu			
9 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	-	-
10 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
11 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	33.514.034.700	6.702.806.940
12 Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
13 Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1)*(2)
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			
14 Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
15 Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VII. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			
16 Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%	-	-
17 Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%	-	-
18 Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	-	-
19 Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%	-	-
20 Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%	-	-
VIII. Chứng khoán khác			
21 Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100%	-	-
22 Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
23 Các tài sản đầu tư khác	80%	-	-
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			
Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
- DCF	20%	1.043.826.000	208.765.200
- NAB	30%	5.658.891.180	1.697.667.354
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)			8.609.239.494

T.C
TU
SE
CHI

15011729
CÔNG TY
TNHH
: H VỤ TƯ V
: HÌNH KẾT
: KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
: T.P HỒ C

Đơn vị tính : VND

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
	0,0%	0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8,0%		
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	12.091.311	-	12.091.311
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
II Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%		-		-		
2	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%		-		-		
3	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		-		-		
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%		-		-		

III. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, các hợp đồng, giao dịch khác				
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng).	100%		
	Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).	100%		
IV. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Tiền gửi có kỳ hạn của một Tổ Chức chiếm từ 10% đến 15% Vốn chủ sở hữu trở lên	10%	-	-
2	Tiền gửi có kỳ hạn của một Tổ Chức chiếm từ 15% đến 25% Vốn chủ sở hữu trở lên	20%	-	-
3	Tiền gửi có kỳ hạn của một Tổ Chức chiếm từ 25% Vốn chủ sở hữu trở lên	30%	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				12.091.311



Đơn vị tính : VND

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (tính trong vòng 12 tháng)

I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 06 năm 2023	7.562.128.187
II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (*)	284.206.688
III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (I - II)	7.277.921.499
IV. 25% tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV =25%*III)	1.819.480.375
V. 20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})	5.000.000.000

(*) Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

	<u>Giá trị</u>
- Chi phí khấu hao;	284.206.688
- Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-
- Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
- Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-
Tổng	284.206.688

P: 6
CỔ
CỔ
QU
QUỸ
LIGH
? - T.

1729-C
NG TY
NHH
VU TƯ VẤN
NH KẾ TO
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
T.P HỒ CHÍ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

IV. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ tài chính
- Ngành nghề kinh doanh : - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- Tổng số nhân viên : 19 người
Trong đó :
 - Nhân viên quản lý : 01 người
 - Nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ : 11 người

Danh sách nhân viên có Chứng chỉ QLQ và Chứng chỉ PTTC đăng ký hoạt động tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

Stt	Họ tên	Số chứng chỉ	Ngày cấp	Chức vụ	Bộ phận
1	Nguyễn Lê Đình Quang	001917/QLQ	12/08/2020	Tổng Giám đốc	Ban điều hành
2	Trần Văn Mẫn	001069/QLQ	21/01/2014	Trưởng phòng	P. Quản lý danh mục
3	Quách Thị Hòa	003976/MGCK	07/04/2017	Nhân viên	Kiểm soát nội bộ
4	Trần Thị Thủy Chung	001032/QLQ	01/11/2013	Trưởng phòng	Kiểm soát nội bộ
5	Nguyễn Phúc Nguyên	001067/QLQ	14/01/2014	Phó phòng	P. Quản lý danh mục
6	Trần Thị Thu Tâm	000657/QLQ	25/05/2010	Nhân viên	P. Phân tích Đầu tư
7	Phạm Anh Vũ	001552/QLQ	31/03/2017	Nhân viên	P. Phân tích Đầu tư
8	Bùi Ngọc Ánh	002586/PTTC	03/12/2020	Phó phòng	P. Quản lý danh mục
9	Nguyễn Ngọc Quỳnh	001618/QLQ	06/11/2017	Chuyên viên	P. HCNS
10	Mai Văn Nguyên	001256/QLQ	27/05/2015	Chuyên viên	P. HCNS
11	Võ Thuý Lan	001161/QLQ	10/22/2014	Nhân viên	P. Phân tích Đầu tư

1. Các văn bản pháp quy áp dụng:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính.

2. Cơ sở số liệu tài chính:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2023. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30/06/2023.

3. Đồng tiền trên báo cáo:

Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam (VND).

7 - 6
NG T
PH
IAN L
ĐẦU
ITHOU
P HC

MINH H
N

VIII. CÁC NGUYÊN TẮC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

1. Tỷ lệ vốn khả dụng:

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng là tỷ lệ phần trăm giữa giá trị vốn khả dụng và tổng giá trị rủi ro.

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = (\text{Vốn khả dụng} \times 100\%) / \text{Tổng giá trị rủi ro}$$

2. Vốn khả dụng:

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

Vốn khả dụng được xác định theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.

3. Tổng giá trị rủi ro:

Tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

Giá trị rủi ro phải được xác định theo quy định tại Mục 2, Chương 2, Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.

3.1. Giá trị rủi ro thị trường:

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi.

Công thức xác định giá trị rủi ro thị trường:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

- Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.

- Giá tài sản được xác định theo Phụ lục II kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.

3.2. Giá trị rủi ro thanh toán:

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

Kết thúc ngày giao dịch, Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch theo quy định hiện hành.

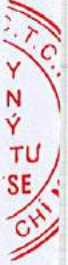
Công thức xác định giá trị rủi ro thanh toán:

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

- Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định theo Phụ lục III kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định theo Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.



- Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

- Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được xác định theo Phụ lục III kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

+ Đối với các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân tổ chức kinh doanh chứng khoán: là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục II và Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.

+ Đối với các giao dịch cho vay mua chứng khoán ký quỹ, giao dịch bán có cam kết mua lại, giao dịch mua có cam kết bán lại, vay, cho vay chứng khoán: giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán xác định theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính.

+ Đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn: là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

3.3. Giá trị rủi ro hoạt động:

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quy trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản: chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của Công ty được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau: 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty quản lý quỹ được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn;
- Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn;
- Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Kế toán

Bùi Thuý Hoà

Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ

Trần Thị Thủy Chung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Lê Đình Quang